

Bản án số:10/2018/HC-ST

Ngày: 26/10/2018

V/v “*Kiến quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhài.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vi Tuấn Dũng

2. Ông Nguyễn Đức Dân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Cần, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mạnh Thúy, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai sơ thẩm theo thủ tục thông thường, vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số: 25/2018/TLST-HC, ngày 03 tháng 5 năm 2018 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXX-ST ngày 10 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Lô Văn H, Sinh năm 1928 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm CT, xã TT, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

Người đại diện hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Lô Quang S, sinh năm 1955

Địa chỉ: Tổ 5, phường PDP, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

(Theo Văn bản ủy quyền ngày 08/02/2018 tại Văn phòng công chứng DC– Thái Nguyên).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Trần Trọng S – Thuộc văn phòng luật sư HT– Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện P (vắng mặt)

Địa chỉ: Tiểu khu TA, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

Đại diện hợp pháp: Ông Hoàng Duy H, Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện P(Theo văn bản ủy quyền ngày 23/5/2018 của Chủ tịch UBND huyện P)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị O, sinh năm 1959

Địa chỉ: Xóm CT, xã TT, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện và đại diện hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Ông Lô Viết S (tên gọi khác: Lô Văn S) sinh năm 1952 là con trai cả của ông Lô Văn H, do bị bệnh hiểm nghèo ông Schết ngày 20/8/2008. Trước khi chết, ông S không để lại di chúc, nhưng bà Lê Thị O (là vợ ông S) cùng các con đã lên lút lập văn bản phân chia di sản thừa kế, chuyển toàn bộ diện tích đất 10.249m² là tài sản do ông S để lại sang tên bà Lê Thị O và được UBND xã TT, huyện P chứng thực ngày 10/9/2012. Ông H cho rằng ông là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của người để lại di sản thừa kế, quá trình lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế không có ý kiến của ông, nên việc UBND xã TT chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, chuyển toàn bộ khối tài sản là quyền sử dụng đất mang tên ông S sang tên bà O là không đúng quy định, tước bỏ quyền thừa kế của ông. Sau khi xảy ra tranh chấp và khởi kiện vụ thừa kế tại Tòa án nhân dân huyện P, ông được biết ngày 31/01/2013 UBND huyện P đã ban hành quyết định 423/QĐ-UBND “Về việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo hệ thống bản đồ địa chính, chính quy cho bà Lê Thị O do nhận thừa kế quyền sử dụng đất tại xã TT” và cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01568, số CH 01570 và số CH 01571 cấp ngày 31/01/2013 cho bà Lê Thị O đối với đất toàn bộ phần diện tích 10.249m² của ông S để lại.

Do vậy, ngày 06/4/2018 ông đã có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 31/01/2013 của Ủy ban nhân dân huyện P “Về việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo hệ thống bản đồ địa chính, chính quy cho bà Lê Thị O do nhận thừa kế quyền sử dụng đất tại xã TT” và các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01568, số CH 01570 và số CH 01571 cấp ngày 31/01/2013 mang tên bà Lê Thị O.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của người khởi kiện cho rằng sau khi gia đình xảy ra tranh chấp với nhau về việc tu sửa mộ và quy hoạch thành khu nghĩa trang của dòng họ tại Thửa đất số 33 – TĐĐ 46 và được Ủy ban nhân dân xã TT giải quyết ông mới biết được thửa đất này đã được thừa kế và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên bà O; Còn đối với các phần diện tích đất còn lại thì ông không được biết bà O đã làm thủ tục thừa kế và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mãi đến khi khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện P và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P cấp cho bản sao hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông mới biết được Ủy ban nhân dân huyện P đã ban hành quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 31/01/2013 và các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01568, số CH 01570 và số CH 01571 cấp ngày 31/01/2013 mang tên bà Lê Thị O. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lô Văn H hủy các quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 31/01/2013 của Ủy ban nhân dân huyện P và các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

- **Người bị kiện trình bày:** Ngày 31/01/2013 Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 31/01/2013 “về việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất theo hệ thống bản đồ chính quy cho bà Lê Thị O do nhận thừa kế” và 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01571, CH 01570 và CH 01568, cấp ngày 31/01/2013 mang tên bà Lê Thị O trên cơ sở cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản đồ 299 sang bản đồ địa chính, do nhận thừa kế quyền sử dụng đất của ông Lô Văn S (Lô Viết S) sang tên bà Lê Thị O.

Sau khi ông S chết, năm 2012 những người thừa kế của ông S đã lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và được Ủy ban nhân dân xã TT chứng thực. Trên cơ sở Tờ trình số 115/TTr-UBND ngày 12/12/2012 của Ủy ban nhân dân xã TT, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai) huyện P đã thực hiện các thủ tục thẩm định hồ sơ theo quy định và chuyển Phòng Tài nguyên môi trường huyện P trình Ủy ban nhân dân huyện cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị O do nhận thừa kế.

Sau khi xem xét hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị O, đối chiếu với các quy định tại Điều 49 Luật đất đai năm 2003; Điều 151 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính Phủ; Thông tư số 04/2006/TT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 của Bộ Tư pháp – Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 12/2011/QĐ-UBND ngày 15/3/2011 của UBND tỉnh Thái Nguyên, Ủy ban nhân dân huyện P thấy việc ban hành Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 31/01/2013 “về việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất theo hệ thống bản đồ chính quy cho bà Lê Thị O do nhận thừa kế” và cấp 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01571, CH 01570 và CH 01568, ngày 31/01/2013 cho bà Lê Thị O là đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại Văn bản số 816/UBND-VP ngày 27/9/2018 Người đại diện hợp pháp của người bị kiện cho rằng: Mặc dù khi tiến hành thủ tục lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, Ủy ban nhân dân xã TT đã bỏ sót người thuộc hàng thừa kế thứ nhất là ông Lô Văn H, tuy nhiên Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đã được chứng thực theo quy định và đang có hiệu lực pháp luật. Do đó, Ông H phải khởi kiện Ủy ban nhân dân xã TT, trên cơ sở hủy văn bản phân chia di sản thừa kế thì Ủy ban nhân dân huyện sẽ tiến hành điều chỉnh, thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Hơn nữa theo các tài liệu do Ủy ban nhân dân xã TT cung cấp cho UBND huyện cho thấy: Ngày 31/9/2016 khi tiến hành hòa giải tại UBND xã TT người đại diện theo ủy quyền của Ông H là Lô Quang S đã được biết thừa đất số 33 – TĐĐ 46 (là một phần di sản thừa kế do ông S để lại) đã được thừa kế và cấp giấy chứng nhận sang tên bà Lê Thị O, nên theo quy định tại Điều 116 của Luật tố tụng hành chính thì yêu cầu khởi kiện của ông Lô Văn H đã hết thời hiệu khởi kiện, đồng thời đề nghị xin được vắng mặt tại phiên tòa.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị O trình bày:**

Bà và ông Lô Viết S kết hôn với nhau năm 1983, quá trình chung sống vợ chồng bà có được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích là 10.249m² mang tên ông Lô Văn S (Lô Viết S). Sau khi ông S chết gia đình và

các con đã họp và thống nhất chuyển toàn bộ quyền sử dụng đất do ông S để lại sang tên bà Lê Thị O và được Ủy ban nhân dân xã TT chứng thực ngày 10/9/2012. Trong quá trình thực hiện các trình tự thủ tục thừa kế quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận, Ông H không có ý kiến gì, nhưng đến nay Ông H đã già yếu lại sinh ra việc tranh chấp. Nay Ông H yêu cầu hủy Quyết định số 423/QĐ-UBND và 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện P đã cấp cho bà ngày 31/01/2013 bà không nhất trí. Quyết định số 423/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện P và 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01571, CH 01570 và CH 01568 đã cấp ngày 31/01/2013 mang tên bà Lê Thị O là đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày:

Về quyền lợi: Ông Lô Văn H là bố của ông Lô Văn S, sau khi ông S chết không để lại di chúc. Do vậy Ông H có quyền được hưởng di sản thừa kế của ông Lô Văn S. Việc bà Lê Thị O đã lén lút làm thủ tục thừa kế toàn bộ quyền sử dụng đất do ông S để lại sang tên mình và được Ủy ban nhân dân xã TT chứng thực là không đúng quy định. Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 31/01/2013 và 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01571, CH 01570 và CH 01568, cấp ngày 31/01/2013 mang tên bà Lê Thị O đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lô Văn H. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lô Văn H, hủy Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 31/01/2013 của UBND huyện P và 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01571, CH 01570 và CH 01568, cấp ngày 31/01/2013 mang tên bà Lê Thị O.

Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại để các đương sự đối thoại với nhau. Tuy nhiên các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án, nên vụ án phải đưa ra xét xử để xem xét yêu cầu khởi kiện và tính hợp pháp của quyết định hành chính bị khởi kiện.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa sau khi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 30, Điều 32, Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lô Văn H. Hủy toàn bộ Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 31/01/2013 của UBND huyện P, và Hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 811929; số BL 811928, BL 811926 do UBND huyện P cấp ngày 31/01/2013 đều mang tên bà Lê Thị O. Khôi phục lại các GCNQSDĐ số 432744 ngày 09/4/1999 mang tên ông Lô Viết S và GCNQSDĐ số D 0921151 ngày 18/6/1994 mang tên ông Lô Văn S.

Ngoài ra còn đề nghị về phần án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện viện kiểm sát:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đại diện hợp pháp của người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 158 của Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử.

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2018 ông Lô Văn H khởi kiện Ủy ban nhân dân huyện P, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên hủy Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 31/01/2013 của Ủy ban nhân dân huyện P “*Về việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo hệ thống bản đồ địa chính, chính quy cho bà Lê Thị O do nhận thừa kế quyền sử dụng đất tại xã TT*” và các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01568, số CH 01570 và số CH 01571 cấp ngày 31/01/2013 mang tên bà Lê Thị O, xác định đây là khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai. Căn cứ vào Điều 30, khoản 4 Điều 32 của Luật tố tụng hành chính vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự xác định: Năm 2016 gia đình ông Lô Văn H và bà Lê Thị O tranh chấp về việc quy hoạch khu nghĩa trang của dòng họ tại thửa đất số 33 – Tờ bản đồ số 46 nên có đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã TT giải quyết. Tại biên bản hòa giải ngày 31/9/2016, người đại diện theo ủy quyền của ông Lô Văn H là ông Lô Quang S đã được biết thửa đất này đã được bà O làm thủ tục thừa kế và được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01568. Tuy nhiên đối với phần diện tích đất còn lại, đến ngày 08/11/2017 khi Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện P cung cấp cho ông hồ sơ thừa kế và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông mới biết được Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 31/01/2013 của Ủy ban nhân dân huyện P và các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01568, số CH 01570 và số CH 01571 cấp ngày 31/01/2013 mang tên bà Lê Thị O. Ngày 06/4/2018 ông đã có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên là còn trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật tố tụng hành chính nên được chấp nhận và xem xét theo quy định.

[2]. Về nội dung: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện, đánh giá tính hợp pháp của quyết định hành chính là đối tượng khởi kiện của vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

2.1. Về hình thức: Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 31/01/2013 của Ủy ban nhân dân huyện P “*Về việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo hệ thống bản đồ địa chính, chính quy cho bà Lê Thị O do nhận thừa kế quyền sử dụng đất tại xã TT*” và các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01568, số CH 01570 và số CH 01571 cấp ngày 31/01/2013 mang tên bà Lê Thị O là thực hiện đúng quy định tại Điều 49 của Luật đất đai năm 2003, Điều 6 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất và hướng dẫn tại Thông tư số 17/2009/TT-BTNT ngày 21/10/2009 của Bộ tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất.

2.2. Về thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Tại Điều 52 Luật Đất đai năm 2003 quy định:

“Điều 52. Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

1.

2. Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mua nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở”.

Đối chiếu với quy định pháp luật nêu trên, thì Ủy ban nhân dân huyện Pban hành Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 31/01/2013 “Về việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo hệ thống bản đồ địa chính, chính quy cho bà Lê Thị O do nhận thừa kế quyền sử dụng đất tại xã TT” và các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01568, số CH 01570 và số CH 01571 cấp ngày 31/01/2013 cho bà Lê Thị O là đúng thẩm quyền.

2.3. Về trình tự thủ tục thừa kế quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận:

Căn cứ vào hồ sơ tài liệu do UBND huyện P cung cấp và tại Văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện số 433/UBND ngày 24/5/2018 UBND huyện P khẳng định: Quá trình thực hiện các trình tự thủ tục UBND huyện P đã căn cứ vào quy định tại Điều 49 Luật đất đai năm 2003; Điều 151 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004; Thông tư số 04/2006/TT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 của Bộ Tư pháp – Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 12/2011/QĐ-UBND ngày 15/3/2011 của UBND tỉnh Thái Nguyên để thực hiện các trình tự thủ tục ban hành Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 31/01/2013 của Ủy ban nhân dân huyện P “Về việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo hệ thống bản đồ địa chính, chính quy cho bà Lê Thị O do nhận thừa kế quyền sử dụng đất tại xã TT” và các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01568, số CH 01570 và số CH 01571 cấp ngày 31/01/2013 cho bà Lê Thị O. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 và 3 Điều 29 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP thì Điều 151 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP đã hết hiệu lực và bị bãi bỏ kể từ ngày 10/12/2009 (ngày nghị định số 88/2009/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực). Do đó, việc UBND Phú Lương căn cứ vào Điều 151 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ để thực hiện các trình tự thủ tục thừa kế và cấp giấy chứng nhận là không đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra , tại Điều 23 Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT ngày 21/10/2009 của Bộ tài nguyên và Môi trường quy định như sau:

“Điều 23. Trình tự, thủ tục đăng ký chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

1. Bên nhận chuyển nhượng, thừa kế, nhận tặng cho nộp một bộ hồ sơ theo quy định như sau:

b) Trường hợp nhận chuyển nhượng, thừa kế, nhận tặng cho quyền sử dụng đất, hồ sơ gồm:

- Văn bản giao dịch về quyền sử dụng đất (hợp đồng chuyển nhượng đối với trường hợp nhận chuyển nhượng; di chúc hoặc biên bản phân chia thừa kế;
- Giấy tờ về quyền sử dụng đất ...;

2. Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ; nếu phù hợp quy định của pháp luật thì thực hiện các công việc sau:

a) Trích đo địa chính thửa đất đối với trường hợp chưa được cấp giấy chứng nhận ở nơi chưa có bản đồ địa chính hoặc đã cấp giấy chứng nhận nhưng chưa có sơ đồ thửa đất hoặc trường hợp chuyển quyền sử dụng một phần thửa đất;

b) Thực hiện thủ tục trình cấp Giấy chứng nhận và trao cho người được cấp đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính hoặc gửi Ủy ban nhân dân xã, thị trấn để trao đổi với trường hợp nộp hồ sơ tại xã, thị trấn; chỉnh lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu địa chính.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký biến động về sử dụng đất, tại Biên bản thẩm định hồ sơ ngày 14/01/2013 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đã kết luận về kết quả thẩm tra hồ sơ: “Số hồ sơ không đủ điều kiện: 01 hồ sơ” nhưng lại ban hành Thông báo số 19/CV-VPĐK ngày 15/01/2013, thông báo cho UBND xã TT và bà O biết đủ điều kiện cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và làm các thủ tục chuyển cho Phòng Tài nguyên và Môi trường, trình UBND huyện Pban hành quyết định cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị O là không đúng quy định của pháp luật; giữa kết quả thẩm tra và nội dung đề nghị có sự mâu thuẫn, không thống nhất.

2.4. Về nội dung và căn cứ pháp lý:

Ông Lô Viết S chết ngày 20/8/2008 không để lại di chúc nên việc thừa kế tài sản của người để lại di sản thừa kế được chia theo pháp luật. Tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định như sau:

“1. Những người thừa kế theo pháp luật được quy định theo thứ tự sau đây:

a) Hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết...

2. Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau...”

Căn cứ vào hồ sơ tại liệu do các bên cung cấp thì xác định tại thời điểm người để lại di sản thừa kế chết và thời điểm các đồng thừa kế thỏa thuận phân chia di sản thừa kế thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Lô Viết S (người để lại di sản) gồm: Vợ: bà Lê Thị O, cha đẻ: ông Lô Văn H và các con gồm: Lô Phương T, Lô Kim N, Lô TA và Lô Thị Q. Việc định đoạt di sản thừa kế do ông S để lại phải được sự nhất trí của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất hoặc có văn bản từ chối nhận di sản trong thời hạn 06 tháng kể từ thời điểm mở thừa kế theo quy định tại Điều 642 Bộ luật dân sự năm 2005. Tuy nhiên, ngày 10/9/2012 bà O và các con làm thủ tục phân chia di sản thừa kế không có ý kiến bằng văn bản về việc từ chối nhận di sản của ông Lô Văn H và đã quá thời hạn 06 kể từ thời điểm mở thừa kế để từ chối nhận di sản thừa kế, cũng không có sự nhất trí của ông Lô Văn H

Tại phiên tòa bà Lê Thị O thừa nhận: Khi tiến hành các thủ tục thỏa thuận phân chia di sản thừa kế tại chị Lô Kim N và Chị Lô Thị Q đang ở nước ngoài (nước Đức) không có mặt tại UBND xã TT, nhưng UBND xã TT vẫn chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, chuyển toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất do ông Lô Viết S để lại sang tên bà Lê Thị O và trình các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận cho bà Lê Thị O, là thực hiện không đúng quy định tại Điều 642, Điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005 và hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 của Bộ Tư pháp – Bộ tài nguyên và Môi trường, Hướng dẫn về việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất.

Do Văn bản phân chia tài sản thừa kế thực hiện không đúng quy định của pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lô Văn H, nên việc Ủy ban nhân dân huyện P căn cứ vào Tờ trình số 123/TTr-TNMT ngày 23/01/2013 của Phòng Tài Nguyên và Môi trường UBND huyện P, ban hành Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 31/01/2013 và các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01568, số CH 01570 và số CH 01571 cấp ngày 31/01/2013 mang tên bà Lê Thị O là trái với quy định tại khoản 4 Điều 49; điểm c khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lô Văn H, hủy quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 31/01/2013 “*về việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất theo hệ thống bản đồ địa chính chính quy cho bà Lê Thị O do nhận thừa kế quyền sử dụng đất tại xã TT*” và các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01568, số CH 01570 và số CH 01571 cấp ngày 31/01/2013 mang tên bà Lê Thị O.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện được Tòa án chấp nhận nên Ủy ban nhân dân huyện P phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 30, Điều 32, Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Bộ luật dân sự năm 2005; *Luật đất đai năm 2003*; Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính Phủ; Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT ngày 21/10/2009 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường; Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 của Bộ Tư pháp – Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 12/2011/QĐ-UBND ngày 15/3/2011 của UBND tỉnh Thái Nguyên về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; *Điều 32* Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lô Văn H, hủy quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 31/01/2013 “*về việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất theo hệ thống bản đồ địa chính chính quy cho bà Lê Thị O do nhận thừa kế quyền sử dụng đất tại xã TT*” và các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01568, số CH 01570 và số CH 01571 cấp ngày 31/01/2013 mang tên bà Lê Thị O.

2. Buộc Ủy ban nhân dân huyện P phải thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật.

3. Buộc Ủy ban nhân dân huyện P phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Trả lại cho ông Lô Văn H 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008534, ngày 02/5/2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh TN;
- Cục THADS TN;
- Các đương sự;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhài

